

Bản án số: 37/2017/DS-ST
Ngày: 29-8-2017
V/v tranh chấp về hợp đồng
góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Dân;
2. Bà Phạm Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2017/DS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2017 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2017/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1954; vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Số nhà 124, tổ 5, khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/5/2017); có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Kim C, sinh năm 1966; vắng mặt;

Ông Hoàng Minh X, sinh năm 1964; vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 3, khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị L và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà Lê Thị L có tham gia góp hội với bà Đặng Thị Kim C, do bà C làm chủ hội cụ thể như sau:

- Dây hội thứ 1: Ngày 19/10/2014 (âm lịch) bà C khai dây hội 1.000.000 đồng, hội bẻ cò, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 19 hàng tháng; hội gồm có 24 phần, bà L góp 02 phần. Bà L đóng hội đến kỳ thứ 22 thì bà hốt 01 phần được số tiền 22.500.000 đồng, bà C đã đăng tiền hốt hội cho bà. Trong dây hội này, đối với phần hội bà L đã hốt, bà L còn nợ lại bà C 2 kỳ hội chết X 1.000.000 đồng = 2.000.000 đồng. Còn lại 01 phần hội sống, đến kỳ thứ 23 bà L bỏ hội và hốt được số tiền 22.500.000 đồng, trừ tiền cò 400.000 đồng, còn lại 22.100.000 đồng nhưng bà C không đăng tiền hốt hội cho bà L và bà C tuyên bố bẻ hội. Như vậy, bà C nợ bà L tiền không đăng hội là 22.100.000 đồng, bà L nợ lại bà C 3 kỳ hội chết số tiền 3.000.000 đồng (02 kỳ hội chết của dây hội bà L đã hốt trước là 2.000.000 đồng và 01 kỳ hội chết của dây hội bà L hốt sau mà bà C chưa đăng tiền hội cho bà L), khấu trừ vào số tiền bà C nợ tiền bà L: 22.100.000 đồng - 3.000.000 đồng = 19.100.000 đồng. Trong dây hội này bà C còn nợ lại bà L số tiền 19.100.000 đồng.

- Dây hội thứ 2: Ngày 10/7/2015 (âm lịch) bà C khai dây hội 1.000.000 đồng, hội bẻ cò, mỗi tháng khai 01 kỳ vào ngày 10 hàng tháng; hội gồm có 24 phần, bà L góp 02 phần. Trong dây hội này bà L đóng được 14 kỳ hội sống, đến kỳ hội thứ 15 thì bà C tuyên bố bẻ hội. Số tiền bà L thực đóng 14 kỳ hội sống của cả 02 phần hội là 15.590.000 đồng. Dây hội này bà C còn nợ lại bà L số tiền 15.590.000 đồng.

- Dây hội thứ 3: Ngày 25/8/2015 (âm lịch) bà C khai dây hội 2.000.000 đồng, hội bẻ cò, mỗi tháng khai 01 kỳ vào ngày 25 hàng tháng, hội gồm có 20 phần, bà L góp 01 phần. Bà L đóng được 12 kỳ hội sống, số tiền thực đóng là 13.200.000 đồng, đến kỳ thứ 13 bà C tuyên bố bẻ hội. Dây hội này bà C còn nợ lại bà L số tiền 13.200.000 đồng.

Dây hội thứ 4: Ngày 19/01/2016 (âm lịch) bà C khai dây hội 1.000.000 đồng, hội bẻ cò, mỗi tháng khai 01 kỳ vào ngày 19 hàng tháng; hội gồm 26 phần, bà L góp 01 phần. Bà L đóng hội sống được 08 kỳ, số tiền thực đóng là 4.570.000 đồng, đến kỳ thứ 09 bà C tuyên bố bẻ hội. Dây hội này bà C còn nợ bà L số tiền 4.570.000 đồng.

Tổng cộng 04 dây hội bà C nợ bà L 52.460.000 đồng, đến tháng 9/2016 bà C tuyên bố bẻ hội, không còn khả năng thanh toán cho các hội viên. Ngày 14/11/2016 bà C làm giấy cam kết trả nợ hội cho bà L, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng, sau đó bà C có trả cho bà L 1.000.000 đồng thì ngưng không trả tiền cho bà L như đã cam kết. Nay bà L yêu cầu bà C, ông X có trách nhiệm hoàn trả số tiền nợ hội gốc 51.460.000

đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,75%/1 tháng từ ngày 14/11/2016 đến nay.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/6/2017 bị đơn bà Đặng Thị Kim C trình bày:

Bà thừa nhận bà Lê Thị L có tham gia góp 03 dây hụi do bà làm chủ, cụ thể:

- Dây hụi thứ 1: Khai ngày 19/10/2014, hụi 1.000.000 đồng, gồm 24 phần, mỗi tháng khai 01 kỳ, bà L góp 02 phần, đã hót 01 phần, còn 01 phần chưa hót. Bà L đã đóng được 21 kỳ hụi sống, bà không nhớ số tiền bà L thực đóng hụi cho bà. Trừ đi số tiền hụi chết bà L còn nợ bà trong dây hụi này thì bà còn nợ bà L số tiền 19.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ 2: Khai ngày 25/8/2015, hụi 2.000.000 đồng, gồm 20 phần, mỗi tháng khai 01 kỳ, bà L góp 01 phần, bà L đóng cho bà được 12 kỳ hụi sống (bà không nhớ rõ số tiền hụi bà L thực đóng).

- Dây hụi thứ 3: Khai ngày 19/01/2016 (âm lịch), hụi 1.000.000 đồng, gồm 26 phần, mỗi tháng khai 01 kỳ, bà L góp 01 phần, bà L đóng cho bà được 07 kỳ hụi sống với số tiền thực đóng hụi sống là 4.460.000 đồng, đến kỳ thứ 08 dây hụi này ngưng khai.

Tất cả 03 dây hụi trên đều ngưng khai từ tháng 8/2016 (âm lịch) nguyên nhân do bà không có khả năng choàng tiền hụi cho các hụi viên đã hót hụi nhưng không đóng tiền hụi chết cho bà. Đến ngày 14/11/2016 giữa bà và bà L có chốt lại số tiền hụi thì bà còn nợ bà L số tiền 52.400.000 đồng, sau đó bà có trả cho bà L được số tiền 1.000.000 đồng, hiện bà còn nợ lại bà L 51.400.000 đồng.

Nay bà đồng ý trả cho bà L số tiền 51.400.00 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Đây là nợ riêng của bà với bà L, ông Hoàng Minh X chồng bà không liên quan. Việc góp hụi với bà L chỉ có mình bà, ông X chồng bà không biết. Mục đích bà góp hụi để có thêm tiền thu nhập và bà sử dụng vào mục đích riêng của bà, còn chi phí chi tiêu, sinh hoạt thiết yếu trong gia đình bà do bà và ông X cùng lo. Bà đồng ý chịu trách nhiệm trả cho bà L số tiền 51.400.00 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2017 bị đơn ông Hoàng Minh X trình bày:

Ông và bà C chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Hiện ông và bà C đang sống chung nhà nhưng chi tiêu, sinh hoạt riêng. Việc chơi hụi giữa bà L với bà C ông không biết, bà C gây nợ thì bà C tự chịu trách nhiệm trả nợ, ông không đồng ý cùng bà C trả nợ cho bà L.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bà C, ông X trả số tiền nợ hui là 51.400.000 đồng và tính lãi từ ngày 14/11/2016 đến ngày 29/8/2017 theo mức lãi suất 0,75%/1 tháng.

- Bị đơn bà Đặng Thị Kim C và ông Hoàng Minh X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L. Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bà C và ông X cùng trả nợ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Hoàng Minh X và bà Đặng Thị Kim C đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C, ông X.

[2] Về pháp luật áp dụng: Giao dịch về hợp đồng góp hui giữa bà Lê Thị L và bà Đặng Thị Kim C được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, căn cứ vào Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L yêu cầu bà Đặng Thị Kim C, ông Hoàng Minh X trả số tiền nợ hui 51.400.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,75%/1 tháng từ ngày 14/11/2016 đến nay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà L và bà C đều thừa nhận bà L có góp hui với bà C, do bà C làm chủ hui. Tuy giữa bà L và bà C trình bày không thống nhất với nhau về các dây hui mà bà L góp do bà C làm chủ hui, nhưng giữa bà L và bà C thống nhất trình bày: Ngày 14/11/2016 giữa bà C và người đại diện theo ủy quyền của bà L là bà T có tính toán với nhau về số tiền nợ hui, bà C còn nợ bà L số tiền 52.400.000 đồng, bà C có viết giấy cam kết trả nợ. Sau đó bà C đã trả cho bà L 1.000.000 đồng, **hiện nay bà C còn nợ lại bà L số tiền hui là 51.400.000 đồng.**

Đối với yêu cầu tính tiền lãi của bà L áp dụng mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian giao chậm tại thời điểm giao các phần hui (9%/ năm tức 0,75%/ tháng), tính từ ngày 14/11/2016 (tức từ ngày bà C viết

giấy cam kết trả nợ) đến ngày 29/8/2017 là: 09 tháng 15 ngày X 51.400.000 đồng X 0,75 %/1 tháng = 3.662.000 đồng tiền lãi.

Xét thấy yêu cầu của bà L về số tiền nợ hui gốc và tiền lãi là có căn cứ theo quy định tại Điều 497 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 29 chương IV Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

Bà C cho rằng số tiền nợ hui giữa bà với bà L là nợ riêng của bà, ông X chồng bà không biết việc bà góp hui với bà L, không liên quan đến ông X, nên bà đồng ý chịu trách nhiệm trả tiền nợ hui cho bà L số tiền 51.400.00 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình xác minh thu thập chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện trong thời gian bà L tham gia giao dịch góp hui do bà C làm làm chủ hui, bà C, ông X đang sống chung, cùng sinh hoạt chung và bà C thừa nhận mục đích bà C mở các dây hui làm chủ hui để tăng thêm thu nhập, phát triển kinh tế nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu một phần của gia đình. Do đó căn cứ Điều 298, Điều 497 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29 Nghị định số 144/2006-ND-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ cần buộc bà C cùng ông X có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà L số tiền 51.400.000 đồng và 3.662.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 55.062.000 đồng.

[4] Về án phí: Bà Đặng Thị Kim C và ông Hoàng Minh X phải chịu 2.753.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 298, Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 29 Nghị định số 144/2006-NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị L. Buộc bà Đặng Thị Kim C và ông Hoàng Minh X trả cho bà Lê Thị L 51.400.000 đồng tiền nợ hui và 3.662.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 55.062.000 (năm mươi lăm triệu không trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.

2. Về án phí:

- Bà Đặng Thị Kim C và ông Hoàng Minh X phải chịu 2.753.000 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị L không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả cho bà Lê Thị L 1.311.000 đồng (một triệu ba trăm mười một nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004192 ngày 01/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3. Kể từ ngày bà Lê Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đặng Thị Kim C và ông Hoàng Minh X không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng bà Đặng Thị Kim C và ông Hoàng Minh X còn phải trả cho bà Lê Thị L số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- PKTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THA DS huyện Tân Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Na